

## VỀ NGUỒN GỐC CỦA VẦN O [•] TIẾNG VIỆT HIỆN ĐẠI\*

TS NGUYỄN ĐẠI CỎ VIỆT

### 1. Đặt vấn đề

Trong tác phẩm *Lịch sử ngữ âm tiếng Việt (sơ thảo)* [4], Nguyễn Tài Cẩn chỉ ra rằng, vần O [•] trong tiếng Việt hiện đại có hai nguồn gốc, một là \*• và một là \*u. Nhận định này của giáo sư dựa trên cơ sở so sánh các từ vựng đồng nguyên giữa tiếng Việt và các ngôn ngữ dân tộc anh em, đồng thời tham khảo thêm ý kiến tái lập của những nhà nghiên cứu phương Tây khác. Điểm hạn chế trong lý thuyết này là số lượng từ chứng chỉ ra sự đối ứng giữa • Việt và u ở các ngôn ngữ đồng nguyên khác là quá ít ỏi<sup>1</sup>.

Bài viết này nhằm làm rõ thêm vấn đề nguồn gốc từ \*u của âm O tiếng Việt hiện đại, đồng thời xác định niên đại tương đối quá trình biến đổi u > • trong tiếng Việt.

### 2. Phương pháp và một vài khái niệm công cụ

#### 2.1. Phương pháp

Chúng tôi vận dụng phương pháp mà H. Maspero (1912) đã làm khi miêu tả lịch sử ngữ âm tiếng Việt, tức là dựa vào mối quan hệ đặc biệt giữa tiếng Việt và tiếng Hán, để tìm hiểu những biến đổi ngữ âm lịch sử xảy ra trong tiếng Việt.

Tiếng Việt và tiếng Hán, tuy không phải là hai ngôn ngữ đồng nguyên, song trong lịch sử phát triển của mình, tiếng Việt đã vay mượn một khối lượng rất lớn từ vựng Hán, hình thành nên sự đối ứng ngữ âm đều đặn giữa âm Hán Việt và âm Hán (chỉ âm Hán trung cổ). Đó là cơ sở H. Maspero dựa vào để tái dựng lịch sử các âm đầu (initial, thanh mẫu) trong tiếng Việt. Chúng tôi kế thừa và phát triển phương pháp của H. Maspero, điểm phát triển là ở chỗ, chúng tôi không chỉ quan sát sự đối ứng giữa âm Hán và âm Hán Việt, mà còn quan sát sự đối ứng giữa âm Hán Nôm-hóa (sino-nomization) với âm Hán Việt và với âm Hán.

.....  
\* Bản đầu tiên của bài viết này đã được trình bày tại Hội nghị Quốc tế “Đào tạo và nghiên cứu ngôn ngữ học Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, Hà Nội 2011. Bản này có lược bớt một số nội dung.

## 2.2. Một vài khái niệm

### 2.2.1. Âm Hán Nôm-hóa

Âm Hán Nôm-hóa (sino-nomization) (dưới đây viết tắt là HNH) là chỉ cách đọc chữ Hán hình thành trong lịch sử, đã Việt hóa sâu sắc<sup>2</sup>, đã lẫn vào khẩu ngữ thường ngày của tiếng Việt, không còn được người Việt dễ dàng nhận diện như một từ mượn tiếng Hán nữa.

*Nhận diện âm HNH trong tiếng Việt:*

**Điều kiện cần** để xác định ngữ tố tiếng Việt X và chữ Hán Y có quan hệ lịch sử là:

- *Một*, giữa chúng có mối liên hệ chặt chẽ về ý nghĩa (bao gồm quan hệ đồng nghĩa, cận nghĩa, hoặc sự biến đổi ngữ nghĩa xảy ra ở một trong hai bên hoặc cả hai bên phải được chứng minh về mặt từ nguyên);

- *Hai*, giữa chúng có sự đối ứng ngữ âm hoàn toàn, nghĩa là phải có sự đối ứng trên cả thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu.

### 2.2.2. Âm Tiền Hán Việt, âm Hậu Hán Việt

Âm Hán Việt hiện đại như chúng ta thấy ngày nay, là hậu duệ từ thứ tiếng Hán mà cư dân Giao Châu sử dụng trong hành chính cũng như được giảng dạy trong nhà trường, ở vào khoảng cuối thế kỉ thứ IX, trước khi chúng ta thành lập nhà nước phong kiến độc lập. Thứ tiếng Hán ấy, theo như nhận định của H.Maspero (1920), có liên hệ gần gũi với phương ngữ phía Bắc của Trung Quốc, mà có lẽ là thứ tiếng đã được chuẩn hóa sử dụng ở kinh đô Tràng An, chứ không hẳn là của một phương ngữ cụ thể nào. Tuy nhiên, miêu tả về thứ tiếng Hán được dùng ở Giao Châu có trong sách sử Trung Quốc cho thấy, cách phát âm chữ Hán ở Giao Châu khác với tiếng Hán ở Trung Nguyên, nên “*chữ tuy giống, nhưng âm không giống*”<sup>3</sup>.

Như vậy, thứ tiếng Hán được dùng ở Giao Châu vào khoảng cuối thế kỉ IX, tuy xuất phát từ âm đọc chữ Hán vùng Trung Nguyên, nhưng đã bản địa hóa ở một trình độ nhất định. Chúng tôi tạm gọi đó là “phương ngữ Hán ở Giao Châu”<sup>4</sup>.

Từ sau năm 938, thứ “phương ngữ Hán ở Giao Châu” này sẽ phát triển theo một đường lối riêng, chứ không đi theo sự phát triển của tiếng Hán ở Trung Nguyên nữa, kết quả là hình thành nên hệ thống âm Hán Việt hiện đại. Chúng tôi lấy thời điểm cuối đời Đường làm cột mốc để phân biệt ra hai khái niệm sau: “âm Tiền Hán Việt” và “âm Hậu Hán Việt”<sup>5</sup>.

Âm Tiền Hán Việt: chỉ những âm đọc chữ Hán đã mượn vào khẩu ngữ tiếng Việt từ trước cuối đời Đường, chúng bảo lưu được những dấu tích cổ xưa.

Vương Lực (1948) gọi những âm này là “Cổ Hán Việt ngữ”, Vương Lộc (1985) gọi là âm Hán Việt cổ.

Thí dụ:

Vào khoảng cuối đời nhà Đường, thanh mẫu hai môi trong tiếng Hán tách làm hai dãy, một dãy bảo lưu âm hai môi (trọng thần âm), một dãy biến thành âm xát môi răng (khinh thần âm). Kết quả của quá trình biến đổi này đã phản ánh trong âm Hán Việt, chúng ta có sự đối lập giữa  *bang* tổ và  *phi* tổ như sau:  *bi*:  *phi*,  *bì*:  *phì*,  *mĩ*:  *vĩ*...

Nhưng những âm HNH đã được xác định dưới đây, lại bảo lưu cách đọc với âm đầu hai môi, chúng tỏ chúng phải được vay mượn vào tiếng Việt từ trước cuối đời Đường:

Chữ Hán	Thanh mẫu	HNH	HV
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>phi</i>	<b>buôn</b>	<b>phiên</b>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>phụng</i>	<b>buồn</b>	<b>phiền</b>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>phi</i>	<b>buông</b>	<b>phóng</b>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>phụng</i>	<b>buồng</b>	<b>phòng</b>

Âm Hậu Hán Việt: từ cuối Đường trở về sau, một số từ Hán với âm đọc Hán Việt được mượn vào khẩu ngữ tiếng Việt, hòa nhập với hệ thống từ thuần Việt, dần dần âm đọc của những từ gốc Hán Việt này có sự biến đổi nhất định, khác với cách đọc Hán Việt.

Vương Lực (1948) gọi những chữ này là “Hán ngữ Việt hóa”, Vương Lộc (1985) gọi là âm Hán - Việt Việt hóa.

Thí dụ:  *đẳng*<sub>HV</sub> > *đáng*<sub>HHV</sub>,  *loại*<sub>HV</sub> > *loài*<sub>HHV</sub>, trong “người ba *đáng*, của ba *loài*”.

Việc xác định một âm HNH là âm Tiền HV hay âm Hậu HV là không hề dễ dàng. Với một số trường hợp, các học giả có ý kiến trái chiều nhau, một số trường hợp khác- nhất là với những âm bảo thủ - thì rất khó để khẳng định đối tượng đang xét là Tiền HV hay Hậu HV. Vì vậy, khi chưa có khả năng khẳng định dứt khoát là âm Tiền HV hay âm Hậu HV, hoặc khi không cần thiết phải chỉ rõ, chúng tôi sẽ dùng khái niệm chung là âm Hán Nôm- hóa (sino - nomization).

### 3. Mối liên hệ lịch sử giữa u và •

3.1. Trước hết xin quan sát đối ứng ngữ âm ở nhiếp  *ngộ* trong âm Hán Việt. Thí dụ:

Vận mẫu Thanh mẫu		<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> nhất đẳng		<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> tam đẳng	
		<input type="checkbox"/> <i>mô</i>		<input type="checkbox"/> <i>ngu</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngu</i>
<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> bang hệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> bang tổ	<input type="checkbox"/> phô <input type="checkbox"/> bô <input type="checkbox"/> bộ <input type="checkbox"/> mộ		<input type="checkbox"/> phu <input type="checkbox"/> phủ <input type="checkbox"/> vũ <input type="checkbox"/> phụ	
<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> đoan hệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> đoan tổ	<input type="checkbox"/> đồ <input type="checkbox"/> thỏ <input type="checkbox"/> đở <input type="checkbox"/> độ			
	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> nê tổ	<input type="checkbox"/> nô <input type="checkbox"/> lỗ <input type="checkbox"/> nộ <input type="checkbox"/> lộ	<input type="checkbox"/> lư <input type="checkbox"/> nữ <input type="checkbox"/> lự	<input type="checkbox"/> lữ <input type="checkbox"/> lữ	
	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> tinh tổ	<input type="checkbox"/> tô <input type="checkbox"/> tổ <input type="checkbox"/> thố <input type="checkbox"/> tổ	<input type="checkbox"/> từ <input type="checkbox"/> tự	<input type="checkbox"/> tu <input type="checkbox"/> tự <input type="checkbox"/> thú	
<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> tri hệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> tri tổ			<input type="checkbox"/> trư <input type="checkbox"/> trừ <input type="checkbox"/> trứ	<input type="checkbox"/> tru <input type="checkbox"/> trụ <input type="checkbox"/> trú
	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> trang tổ			<input type="checkbox"/> sơ <input type="checkbox"/> sở <input type="checkbox"/> sớ	<input type="checkbox"/> sô <input type="checkbox"/> sô <input type="checkbox"/> số
	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> chương tổ			<input type="checkbox"/> thư <input type="checkbox"/> xử <input type="checkbox"/> thứ	<input type="checkbox"/> chu <input type="checkbox"/> chủ <input type="checkbox"/> thú
	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> nhật tổ			<input type="checkbox"/> như <input type="checkbox"/> nhữ	<input type="checkbox"/> nhữ
<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> kiến hệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> kiến tổ	<input type="checkbox"/> cô <input type="checkbox"/> khỏ <input type="checkbox"/> ngô	<input type="checkbox"/> cư <input type="checkbox"/> ngữ <input type="checkbox"/> khứ	<input type="checkbox"/> khu <input type="checkbox"/> củ <input type="checkbox"/> ngu	
	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> hiếu tổ	<input type="checkbox"/> hò <input type="checkbox"/> hỏ <input type="checkbox"/> hộ <input type="checkbox"/> hộ	<input type="checkbox"/> hư	<input type="checkbox"/> hu	
	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> ảnh tổ	<input type="checkbox"/> ô <input type="checkbox"/> ỏ <input type="checkbox"/> ó	<input type="checkbox"/> ư <input type="checkbox"/> dử <input type="checkbox"/> dự	<input type="checkbox"/> vu <input type="checkbox"/> vũ <input type="checkbox"/> dụ	

Quy luật đối ứng giữa âm Hán và âm Hán Việt ở nhiếp  *ngô* là như sau:

<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> <i>mô</i>	Ô	<input type="checkbox"/> <i>ngu</i>	Ư	Ớ
		<input type="checkbox"/> <i>ngu</i>	U	Ô
			- <input type="checkbox"/> <i>trang</i>	+ <input type="checkbox"/> <i>trang</i>

3.2. Trong địa hạt âm Hán Việt, nhiếp  *ngô* có một số lệ ngoại đọc với vần O.

Thí dụ:

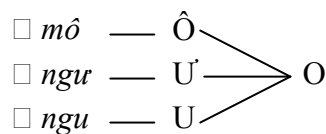
Chữ Hán	Vần	HV	Chữ Hán	Vần	HV
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>ngu</i>	phó	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>ngu</i>	phò
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>ngu</i>	phó	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>ngu</i>	vô
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>ngu</i>	phó	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>ngu</i>	nho
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>ngu</i>	phó	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>mô</i>	ngộ

3.3. Nếu mở rộng sự quan sát sang địa hạt âm Hán Nôm hóa, thì số lượng chữ thuộc nhiếp ngũ đọc với vần O tăng lên đáng kể, phản ánh một tình thế đối ứng khác. Xin xem một vài thí dụ dưới đây:

Bảng 3.3

Chữ Hán	Vần trung cổ	Vần cổ	HV	HNH	Trong từ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>mô</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	thô	to	<i>to lớn</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>mô</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	đồ	dó	<i>giấy dó</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>mô</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	hộ	họ	<i>họ hàng</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>mô</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	hồ	hò	<i>hồ hét</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>mô</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	khô	khó	<i>khốn khó</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>mô</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	khố	kho	<i>kho đụn</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>mô</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	lộ	ló/ lỗ	<i>ló ra, mũi lỗ</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>mô</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	lô	lò	<i>lò lửa</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>mô</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	mô	mò/mó	<i>mò cá, sờ mó</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>mô</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	nô	nỏ	<i>cung nỏ</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>mô</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	thô	thỏ	<i>con thỏ</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>mô</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	đồ	trò	<i>học trò</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>mô</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	ngũ	ngõ	<i>làng ngõ</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	lư	trọ	<i>ở trọ</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	lự	lo	<i>lo lắng</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	khư	gò	<i>gò đất</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	phụ	phò	<i>phò tá</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	phụ	bọ/ bở	<i>bở già</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	vu	mo	<i>thầy mo</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	vu	vò	<i>vò nước</i>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	phó →	phó	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	<input type="checkbox"/> <i>ngư</i>	võ →	võ	

Những thí dụ trên cho thấy, trong địa hạt âm Hán Việt, ba vần  *mô*,  *ngư*,  *ngư* tách bạch với nhau, nhưng ở địa hạt âm Hán Nôm - hóa, ba vần  *mô*,  *ngư*,  *ngư* lại đều đối ứng với O, hình thành cục diện “nhiều” đối ứng “một” như sau:



3.4. Theo nguyên lí so sánh ngữ âm lịch sử, tình thế đối ứng như vậy cho phép có hai khả năng giải thích:

- 1) “Một” là hình thức ngữ âm cổ xưa hơn. Các vận bộ  *mô*,  *ngư*,

*ngu* của âm Hán Trung cổ đến từ vần □ *ngu* thượng cổ, âm Hán Nôm hóa của các vần □ *mô*, □ *ngu*, □ *ngu* đều là O, phản ánh nguồn gốc vần □ *ngu* thượng cổ của chúng. Cũng có nghĩa là những âm Hán Nôm - hóa trên đây phải được coi là âm Tiên Hán Việt. Xét riêng mối quan hệ lịch sử giữa U và O, chiều phát triển ngữ âm là • > u.

2) “Nhiều” là hình thức ngữ âm cổ xưa hơn. Các vần trung cổ □ *mô*, □ *ngu*, □ *ngu* trong tiếng Hán sau khi mượn vào tiếng Việt, một mặt duy trì sự đối lập giữa chúng trong địa hạt Hán Việt, mặt khác trong địa hạt Hán Nôm-hóa, những vần này lại phát triển hợp nhất ở O.

3.5. Khả năng thứ nhất là khá hấp dẫn. *Một là*, nhìn vào những thí dụ đã đưa trên đây (bảng 3.3), vần □ *ngu* thượng cổ có sự đối ứng “một - một” với O. *Hai là*, theo Vương Lực, vần □ *ngu* thượng cổ có thể tái lập làm • (âm Tiên Tần) hoặc • (âm Hán), cả hai âm này đều rất gần gũi với âm • Việt.

3.6. Nhưng nếu quan sát cẩn thận, khả năng này vị tất đã đúng đắn.

Có những lí do như sau:

*Một là*: Trong bảng 2.3, những thí dụ của vận bộ □ *ngu* trung cổ đối ứng với vần O Việt (lo, gò, trợ) là những trường hợp tồn nghi. Xin xem bảng so sánh dưới đây:

Bảng 3.6 (1)

Việt	Hán	Đối ứng và thí dụ		
		Thanh mẫu	Vận mẫu	Thanh điệu
lo	□ lư	<ɿ □ li □ liên □ lương	<o □ gò □ trợ	<ngang □ mua □ ngan □ muôn
	□ du	<ɿ □ lan □ lõ □ lép	<o □ phó □ do □ thọ	<ngang □ đi □ duy □ dung
trợ	□ lư	<tr □ trỏ □ trôn	<o □ gò □ lo	<nặng □ ro □ lai □ vuon
	□ trú	<tr □ truy □ trưng □ triết	<o □ phò □ rỏ □ đỏ	<nặng □ đôi □ đêm □ chăn
gò	□ khu	<g □ gòi □ gây	<o □ lo □ tro	<huyền □ bừa □ bèo □ sánh
	□ khuu	<g □ gòi □ gây	<o □ phó □ do □ thọ	<huyền □ bừa □ bèo □ sánh

*Ghi chú*: Những từ chứng có gạch dưới là âm Hán Nôm-hóa, không gạch dưới là âm Hán Việt.

Các từ *lo*, *trợ*, *gò* trong tiếng Việt có thể liên hệ với hai chữ Hán khác

nhau, đều hình thành đối ứng ngữ âm hoàn toàn, vì vậy chưa hẳn những từ *lo*, *trọ*, *gò* Việt đã đến từ các chữ Hán “□□□□□” (vần □ *ngu*).

Tạm gác lại trường hợp vần □ *ngu* trung cổ đối ứng với O Việt, thì ở nhiếp ngũ, hai vần □ *mô*, □ *ngu* có đối ứng với vần O Việt.

Hai là: Ở vần □ *ngu*, còn có những chữ Hán sau cũng đối ứng với vần O Việt:

Bảng 3.6 (2)

Chữ Hán	Vần trung cổ	Vần cổ	HV	HNH	Trong từ
□	□ <i>ngu</i>	□ <i>hầu</i>	<i>phó</i> →	phó	
□	□ <i>ngu</i>	□ <i>hầu</i>	<i>phò</i> →	phò	
□	□ <i>ngu</i>	□ <i>hầu</i>	sò	so	<i>con so</i>
□	□ <i>ngu</i>	□ <i>hầu</i>	<i>nho</i> →	nho	
□	□ <i>ngu</i>	□ <i>hầu</i>	dụ	rõ	<i>rõ ràng</i>
□	□ <i>ngu</i>	□ <i>hầu</i>	chu	đỏ	<i>màu đỏ</i> [1]
□	□ <i>ngu</i>	□ <i>hầu</i>	trú	trọ	<i>ở trọ</i>

Những chữ thuộc vần □ *ngu* trong bảng trên không đến từ vần □ *ngu* thượng cổ, mà từ vần □ *hầu* tam đẳng thượng cổ. Hai vần □ *ngu*, □ *hầu* thời thượng cổ khá gần gũi với nhau, nhưng chúng không lẫn lộn với nhau. Vì thế, tình trạng đối ứng ở vần □ *ngu* như dưới đây:

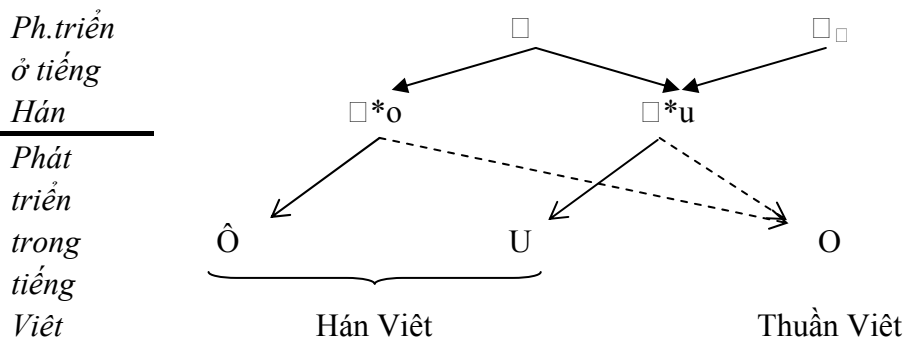
Chữ Hán	Ph.thiết	Vần trung cổ	Vần cổ	HV	HNH
□	□□	□ <i>ngu</i>	<i>ngu</i>	<i>phó</i> →	phó
□	□□	□ <i>ngu</i>	<i>hầu</i>	<i>phó</i> →	phó

Chỉ ra rằng, các vần cổ □ *ngu*, □ *hầu* đã hội nhất ở □ *ngu* (nên □, □ đồng âm) rồi mới đối ứng với O. Theo nghiên cứu của giáo sư Vương Lực, hai vần □ *ngu*, □ *hầu* hội nhất ở □ *ngu*, là vào khoảng thời gian Nam Bắc Triều (thế kỉ thứ VI), và ông tái lập âm trị cho vần □ *ngu* thời kì này là \*u.

Nếu chấp nhận âm trị tái lập của Vương Lực, chúng ta có thể đi đến một giả thiết như sau:

Hai vần □ *ngu*, □ *hầu* thượng cổ hội nhập tại □ *ngu* trung cổ, thành \*u, phản ánh vào âm Hán Việt là U. Một bộ phận chữ thuộc vần □ *ngu* lọt vào trong khẩu ngữ hàng ngày, tiếp tục biến đổi thành \*•. Mặt khác, trong tiếng Việt xảy ra quá trình biến đổi từ o > •, kéo những chữ thuộc vần □ *mô* cũng biến đổi thành •, khiến □ *mô*, □ *ngu* hợp nhất ở •. Quá trình diễn biến này chỉ xảy ra ở địa hạt âm thuần Việt, mà không ảnh hưởng gì đến thể chân vạc của ba vần □ *mô*, □ *ngu*, □ *ngu* ở địa hạt Hán Việt cả.

Giả thiết này có thể hình dung trên sơ đồ như sau:



3.7. Trong địa hạt âm Hán Nôm - hóa, không chỉ có các vần □ mô, □ ngu mới đối ứng với O, không ít thí dụ thuộc nhiếp □ lưu cũng đối ứng với O. Liệu giả thiết trên đây có thể giải thích các trường hợp ngoài □ mô, □ ngu hay không?

Trước hết, xin xem một số thí dụ dưới đây:

Bảng 3.7

Chữ Hán	Vần trung cổ	Vần cổ	Hán Việt	HNH	Trong từ
□	□ hầu	□ hầu	câu	co	co quắp
□	□ hầu	□ hầu	ngẫu	ngó	ngó sen
□	□ hầu	□ hầu	thâu	thó	đánh thó
□	□ hầu	□ hầu	lậu	rò/rỏ	rò ri, rỏ nước
□	□ hầu	□ hầu	lũ	rọ	cái rọ
<hr/>					
□	□ vưu	□ u	thủ	sọ/sỏ	xương sọ, sỏ lợn
□	□ vưu	□ u	thụ	cho	cho quà (hoặc □ chu)
□	□ vưu	□ u	chu	cho	cho quà (hoặc □ thụ)
□	□ vưu	□ u	chu	đò	đò ngang
□	□ vưu	□ u	khuru	gò	gò đất
□	□ vưu	□ u	du	lo	lo lắng
□	□ vưu	□ u	do→	do	
□	□ vưu	□ u	do→	do	
□	□ vưu	□ u	phó→	phó	
□	□ vưu	□ u	thọ→	thọ	
□□□	□ vưu	□ u	thụ/thọ→	thọ	

Vần □ vưu Hán đối ứng với U Hán Việt<sup>6</sup>, đồng quy với □ ngu, nên vần □ vưu, tương tự như □ ngu, đối ứng với O ở Hán Nôm - hóa.

Hai vần □ vưu, □ ngu trung cổ đến từ những vần cổ khác nhau, hơn nữa trong tiếng Hán, chúng luôn là hai vần tách bạch với nhau, nên (thí dụ) □ •y



≠ □ • iu (âm Bắc Kinh). Ở Hán Việt, hai vần này phát triển đồng quy, nên □ tu = □ tu. Ở địa hạt Hán Nôm - hóa, hai vần này cũng có sự đối ứng tương tự như nhau. Điều này khẳng định giả thiết mà chúng tôi đề xuất bên trên: đối ứng với O không sớm hơn lúc hai vần □ vuu, □ ngu đã đồng quy làm U ở Hán Việt, do vậy, chiều diễn biến lịch sử phải là u > •.

Về trường hợp vần □ hầu trung cổ.

Vần □ hầu đối ứng với ÂU Hán Việt, nhưng ở địa hạt âm Hán Nôm - hóa, cũng có không ít thí dụ đối ứng với O, vậy hiện tượng này cần được giải thích như thế nào?

Quá trình diễn biến của vần □ hầu từ thượng cổ đến trung cổ như sau (theo Vương Lực, 1980):

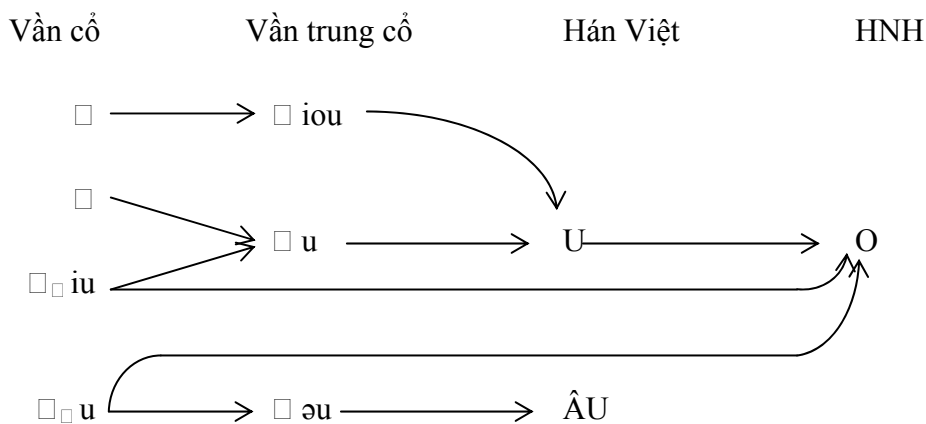
□ hầu nhất đẳng: Tiên Tần \*• > Luồng Hán \*u > Nam Bắc Triều \*u > Tùy Đường \*ou > Ngũ Đại \*əu > Tống \*əu

Theo kết quả tái lập này của Vương Lực, thì vần □ hầu cổ đã kinh qua bước biến đổi là \*u trước khi trở thành \*ou và sau đó là \*əu, như vậy là, những chữ thuộc vần □ hầu đối ứng với O ở Hán Nôm - hóa đã diễn biến trực tiếp từ vần □ hầu cổ, khi vần này đang trong giai đoạn là \*u, chứ chưa diễn biến thành \*əu (cho âm ÂU ở Hán Việt), thời gian là vào khoảng Nam Bắc Triều (TK. VI) hoặc muộn nhất là vào thời Trung Đường (TK. VIII).

Mà nếu như vậy, thì vần □ hầu tam đẳng (đến thời trung cổ thì quy về □ ngu) đối ứng với O ở Hán Nôm - hóa, có hai khả năng diễn biến sau: 1, hợp nhất với □ ngu ở □ ngu trung cổ, làm u, rồi mới phát triển thành • ở Hán Nôm - hóa; 2, diễn biến trực tiếp thành • từ vần □ hầu cổ.

3.8. Tóm lại, đến đây chúng ta có thể tái dựng lại quá trình hình thành vần O ở âm Hán Nôm - hóa như sau:

Hình 3.8



#### 4. Về thời gian tương đối của quá trình biến đổi u > • trong tiếng Việt

Quá trình diễn biến u > • bắt đầu từ khi nào? Và đến khi nào thì kết thúc?

4.1. Dựa trên những trình bày trên đây, chúng tôi cho rằng, quá trình u > • bắt đầu diễn biến từ khoảng Trung Đường (thế kỉ VII, VIII) trở về sau, giới hạn trên không vượt quá thời kì Nam Bắc Triều (thế kỉ VI). Bởi lẽ:

Hai vần cổ □ *ngu*, □ *hầu* tam chỉ đến thời kỳ Nam Bắc Triều mới sát nhập với nhau diễn tiến thành vần □ *ngu* trung cổ.

Những chữ Hán thuộc vần □ *hầu* trung cổ có cách đọc với O trong âm Hán Nôm hóa, chỉ có thể đến từ vần □ *hầu* cổ, trước khi □ *hầu* biến đổi từ u sang ɔu, nghĩa là nằm trong giai đoạn từ Nam Bắc Triều đến đời Đường.

Xét đến khả năng tiếng Hán ở Giao Châu có thể bảo lưu trong khẩu ngữ hàng ngày những âm □ *hầu* cổ với U, kể cả khi âm □ *hầu* sách vở đã biến đổi thành AU, chúng tôi cho rằng, quá trình u > • diễn ra bắt đầu từ thế kỉ VII, hoặc VIII, và không diễn ra sớm hơn thế kỉ VI.

4.2. Trong Từ điển Việt - Bồ - La (1651) (TĐ VBL) có ghi lại cách đọc Hán Việt của một số chữ Hán như sau:

Chữ Hán	Vần	TĐ VBL	Hiện đại
□	□ <i>ngu</i>	bũ/ uũ	võ (vũ)
□	□ <i>ngu</i>	phú	phó
□	□ <i>ngu</i>	phú	phó
□	□ <i>ngu</i>	phù	phò
□	□ <i>ngu</i>	nhu (nho)	nho
□	□ <i>vuru</i>	phú	phó
□	□ <i>vuru</i>	thụ	thọ
□	□ <i>vuru</i>	du (do)	do

Khi nghiên cứu về âm Hán Việt trong tư liệu quốc ngữ thế kỉ XVII, tác giả M. Shimizu (1992) cho rằng, trong TĐ VBL, những chữ Hán trên ghi với vần U là hợp quy luật đối ứng, mà ở tiếng Việt hiện đại, chúng thể hiện với vần O là không phù hợp quy luật. Shimizu nhận định rằng, từ thế kỉ thứ XVII đến nay diễn ra hiện tượng u > •, nhưng tạm thời chưa giải thích được nguyên nhân của sự biến đổi đó.

Theo ý kiến này, thì quá trình biến đổi u > • trong tiếng Việt kết thúc khá muộn, rơi vào sau thế kỉ XVII. Tuy nhiên, chúng tôi lại có cách nhìn nhận khác.

Những âm lệ ngoại với O của những thí dụ trên vắng mặt trong TĐ VBL, thì không hẳn là những âm đó không xuất hiện trong khẩu ngữ hàng ngày.

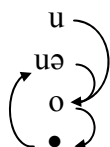
Mặt khác, như đã thấy, quá trình u > • chỉ diễn ra trong địa hạt thuần

Việt, mà không xảy ra ở địa hạt Hán Việt, nên sự chia ba của các vần □ *mô*, □ *ngu*, □ *ngu* không bị ảnh hưởng, hai vần □ *hầu*, □ *vuu* vẫn riêng biệt. Vì vậy nếu sau thế kỉ thứ XVII, quá trình  $u > \bullet$  vẫn tiếp tục, thì hẳn phải có những từ thuần Việt ghi bằng U ở TĐ VBL mà nay đọc với O. Nhưng chúng ta không thấy có tình trạng như vậy xảy ra.

Về lí do những chữ “□□□□□□□□□□□□□□□□” trong TĐ VBL đọc với âm hợp quy luật, mà hiện nay đọc với âm lệ ngoại, giải thích của chúng tôi là, “chính âm” (âm đọc quan phương) đã bị “tục âm” (âm đọc dân gian) thay thế. Hiện tượng này cũng không phải hiếm gặp, “□” đọc là *ngĩa* (chính âm, *ngị*), “□” đọc là *thuộc* (chính âm, *thục*), “□” đọc là *lợi* (chính âm, *lị*) vẫn vẫn đều là những trường hợp như vậy xảy ra.

Với những lí do trên đây, chúng tôi cho rằng, quá trình  $u > \bullet$  đã kết thúc trước thế kỉ XVII.

4.3. Quan sát tình hình đối ứng ngữ âm giữa tiếng Việt và tiếng Mường, chúng ta thấy vẫn còn dấu tích của các quá trình biến đổi ngữ âm sau (theo [5]):



nhưng lại hầu như không phát hiện lưu tích về quá trình biến đổi từ  $u > \bullet$ . Nguyễn Tài Căn dựa vào một số rất ít các dấu hiệu, để giả định âm O trong tiếng Việt hiện đại có một nguồn gốc là từ \*u. Ông thừa nhận “nguồn gốc \*u này rất ít gặp” [4, 132].

Điều này gợi ý rằng, quá trình  $u > \bullet$  có thể đã cơ bản hoàn thành trước khi hoặc đồng thời với lúc tiếng Việt và Mường chia tách. Các quá trình  $u > o$ ,  $o > \bullet$  hoàn thành chậm hơn, nên vẫn còn lưu lại được dấu vết.

Tiếng Việt và tiếng Mường chia tách nhau vào thời điểm nào?

H.Maspero (1912) cho rằng thời điểm đó là vào khoảng thế kỉ X, khi hệ thống âm Hán Việt hình thành. Các tác giả Nguyễn Tài Căn, Nguyễn Ngọc San đều ủng hộ giả thuyết này.

Tác giả của *Giáo trình Lịch sử tiếng Việt (sơ thảo)*, lại có cách nhìn nhận khác, ông cho rằng “*tiếng Việt - Mường chung là ngôn ngữ của người Việt ở giai đoạn đầu độc lập, sau khi đất nước thoát khỏi ách đô hộ của phong kiến phương Bắc. Đó là khoảng thời gian ước chừng bắt đầu từ khoảng thế kỉ thứ X đến thế kỉ thứ ±XIV.*” [7, 176].

Nhìn vào quá trình biến đổi  $u > \bullet$  của vần □ *vuu* (Hình 2.8), thì quá trình này chỉ xảy ra khi □ *vuu* đã đồng quy với □ *ngu* ở u. Mà hiện tượng □ *vuu*, □ *ngu* đồng quy là diễn biến riêng ở hệ thống Hán Việt, trong các phương ngữ Hán không xảy ra quá trình biến đổi tương tự<sup>7</sup>. Vì vậy, quá trình biến đổi  $u > \bullet$  vẫn đang xảy ra sau thế kỉ X.

Chúng tôi cho rằng, quá trình  $u > \bullet$  cơ bản hoàn thành vào khoảng thế kỉ XII~XIII, trước khi tiếng Việt và tiếng Mường chia tách.

#### 4. Kết luận

4.1. Có thể khẳng định, trong tiếng Việt có sự biến đổi ngữ âm từ  $u$  sang  $\bullet$ . Hay nói cách khác, vần O trong tiếng Việt hiện đại có một nguồn gốc là từ  $*u$ . Nếu chỉ so sánh giữa tiếng Việt với các ngôn ngữ đồng nguyên như tiếng Mường, thì dấu tích của quá trình biến đổi này là rất mờ nhạt, nhưng nếu dựa vào mối liên hệ đặc biệt giữa tiếng Việt và tiếng Hán, chúng ta có thể tìm thấy khá nhiều chứng tích của quá trình biến đổi này. Hàng loạt từ tiếng Việt với vần O như *bõ/bọ* (*bõ già*), *mo* (*thầy mo*), *vò* (*vò nước*), *rõ* (*rõ ràng*), *đỏ* (*màu đỏ*), *trọ* (*ở trọ*), *đò* (*đò ngang*), *lo* (*lo lắng*), *gò* (*gò đất*), *sọ/sỏ* (*xương sọ, sỏ lợn*), v.v. đều có nguồn gốc từ vần  $*u$  trong quá khứ.

4.2. Với những dấu tích còn lưu lại, thì quá trình biến đổi  $u > \bullet$  bắt đầu từ khoảng thế kỉ thứ VII, và đã chắc chắn kết thúc trước thế kỉ thứ XVII.

Nhưng nếu căn cứ vào tình hình đối ứng ngữ âm giữa tiếng Việt và tiếng Mường, chúng ta thậm chí có thể đưa ra một dự đoán mạnh dạn hơn, rằng quá trình  $u > \bullet$  cơ bản đã hoàn thành vào khoảng thế kỉ XIII, trước khi tiếng Việt tách khỏi tiếng Mường.

#### CHÚ THÍCH

<sup>1</sup> Nguyễn Tài Cẩn, Lịch sử ngữ âm tiếng Việt (sơ thảo): “Ngược dòng lịch sử, ta thấy ngoài nguồn gốc chính là O, cũng có những trường hợp nay O nhưng xưa vốn là u: ở Khu IV, lửa mới nhóm được nói là mới nhóm, mới chụm là vì thế. Nhưng nguồn gốc  $*u$  này **rất ít gặp**”. (tr.132) “Quá có một số trường hợp hiện nay ở Việt có O, nhưng lai nguyên xưa vốn là  $*u$ . Điều này chúng ta đã phỏng đoán khi tiến hành khảo sát phương ngữ Khu IV và các thổ ngữ Mường. Nhưng đến bước so sánh với nhóm Pọng Chứt thì có thể coi như là điều hoàn toàn có thể khẳng định. **Có điều trường hợp Proto Việt Chứt  $*u$  nay diễn biến thành O ở Việt là trường hợp có số lượng rất hãn hũu**. Trong bảng 23 chỉ có một thí dụ duy nhất: đó là từ tóc.” (tr.133) “Giai đoạn Proto Việt Chứt M. Ferlus đã phục nguyên tóc:  $*usu \square k$ .” (tr.132). (Chỗ in đậm do chúng tôi nhấn mạnh).

<sup>2</sup> Âm tiếng Hán đã được thuần Việt hóa, có thể dùng thuật ngữ “âm Hán Việt-hóa” để chỉ khái niệm này, song thuật ngữ này dễ gây nhầm lẫn với một thuật ngữ đã quen dùng lâu nay là “âm Hán - Việt Việt hóa” (tương đương với “Hán ngữ Việt hóa” của Vương Lực), do vậy chúng tôi dùng bằng “âm Hán Nôm - hóa” (sino-nomization), trong đó Nôm chỉ “thuần Việt”.

<sup>3</sup> “Sách cũ còn ghi: ...khi ấy có thứ sử tên là Sĩ Nhiếp mở trường dạy học, đem các sách Kinh, Truyện của Trung Hạ phiên âm dịch nghĩa dạy người bản quốc, [người bản quốc] mới biết đến việc học vậy. Tuy thế, người Trung Hạ nói âm trong họ, người bản quốc nói âm đầu lưỡi, chữ tuy giống với Trung Hoa, nhưng âm không giống” (Thù vực châu tứ lục, Quyển 6, An Nam) Nguyên văn chữ Hán như



1. H. Maspero, *Quelques mots Annamites d'origine Chinoise*, BEFEO, XVI, 3, 1916.
2. Nguyễn Đại Cồ Việt:
  - a) *Từ thí dụ cụ thể thị: chợ bàn về âm Hán Nôm - hóa*, T/c Ngôn ngữ, Số 8, Số 10, 2009.
  - b) Nguyễn Đại Cồ Việt, *Vài suy nghĩ về phân tầng lịch sử âm Hán Nôm - hóa*, T/c Ngôn ngữ, Số 4, Số 5, 2010.
  - c) Nguyễn Đại Cồ Việt, *Về sự đối ứng UNG: UÔNG trong âm Hán Việt và âm Hán Nôm - hóa*, T/c Ngôn ngữ, Số 4, 2011.
3. Nguyễn Ngọc San, *Tìm hiểu tiếng Việt lịch sử*, Nxb Đại học Sư phạm, H., 2003.
4. Nguyễn Tài Căn, *Giáo trình Lịch sử ngữ âm tiếng Việt (sơ thảo)*, (1995), Nxb GD, H., 1997.
5. Nguyễn Văn Tài, *Ngữ âm tiếng Mường qua các phương ngôn*, (1982), Nxb Từ điển Bách khoa, H., 2005.
6. Shimizu Masaaki, *Một số vấn đề về những âm Hán Việt trong tư liệu quốc ngữ vào thế kỉ 17*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Ngoại ngữ Osaka (tiếng Nhật), 1992.
7. Trần Trí Dõi, *Giáo trình Lịch sử tiếng Việt (sơ thảo)*, Nxb ĐHQG, H., 2005.
8. □□, (1985), □□□□□, □□, □□□□□, 2008.
9. □□, (1948), □□□□□, □□□□□□□□□□, □□.□□□□□, 1980.

## SUMMARY

Nguyen Tai Can (1995) argues that the vowel O [o] in modern Vietnamese originated from \*o and \*u, but adds the latter is rare. This paper provides further insights into the second origin of the vowel O in modern Vietnamese and identifies the chronology of the morphing process from U to O, based on a special connection with the Chinese language. The author goes on to claim that the origin and change from U of the vowel O in modern Vietnamese commenced around the 7<sup>th</sup> or 8<sup>th</sup> century and finished in the 13<sup>th</sup> century.